

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TAI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 643/2023/HS-PT

Ngày 23/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Hương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Văn Biểu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 532/2023/TLPT-HS ngày 16/5/2023, đối với các bị cáo Vũ Văn Nam, Nguyễn Thị Thủy, Lê Thị Nam bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 05/4/2023.

- **Bị cáo Vũ Văn N**, sinh năm 1979; giới tính: Nam; nơi cư trú: Số nhà B, ngõ 216 đường T, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Hiệu trưởng trường THPT N, Bí thư Ban chấp hành Đảng bộ trường THPT N (đã bị đình chỉ sinh hoạt Ban chấp hành Đảng bộ trường THPT N theo Quyết định số 1505-QĐ/TU ngày 31/12/2022 của Ban thường vụ thành ủy N và bị tạm đình chỉ chức vụ theo Quyết định số 830/QĐ-SGD&ĐT ngày 29/12/2021 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh N); là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 2255-QĐ/TU ngày 06/02/2023 của Ban thường vụ Thành ủy N); trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thanh K và bà Vũ Thị B; có vợ Vũ Thị Kim O và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1971; giới tính: Nữ; nơi cư trú: Số nhà 22, đường N, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Kế toán trưởng THPT N; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 75-QĐ/UBKT ngày 03/02/2023 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy N; bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy theo Quyết định số 36-QĐ/UBKT ngày

31/12/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy N); trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị H (đã chết); có chồng là Trần Đức T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Lê Thị N1**, sinh năm 1977; giới tính: Nữ; nơi cư trú: Số nhà 224, đường V, phố X, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Nhân viên y tế học đường và Thủ quỹ trường THPT N; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 76-QĐ/UBKT ngày 03/02/2023 của Ủy ban kiểm tra thành ủy N); trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng Q và bà Vũ Thị Nh (đều đã chết); có chồng là Phạm Minh Ph và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo vắng mặt tại phiên tòa (có lý do) và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị N1*: Luật sư Đinh Thị Mai H - Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình nhận được đơn nặc danh nội dung đơn tố cáo hiệu trưởng trường Trung học phổ thông (THPT) N là ông Vũ Văn N chỉ đạo cán bộ cấp dưới lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi sai phạm trong thu, chi tiền đóng góp của phụ huynh học sinh tại nhà trường. Quá trình điều tra xác định:

Trường THPT N là cơ sở giáo dục và đào tạo công lập, có con dấu, tài khoản riêng, hạch toán độc lập. Đến thời điểm năm 2020, tổng số có 58 cán bộ, giáo viên và lao động hợp đồng. Trong đó Vũ Văn N là Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 314 ngày 12/4/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N trực tiếp phụ trách công tác kế hoạch - tài chính của nhà trường; Nguyễn Thị Th là kế toán theo Quyết định số 26 ngày 09/01/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N; Lê Thị N1 là nhân viên y tế học đường theo Quyết định số 804 ngày 31/12/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N. Từ năm 2016, Lê Thị N1 được Vũ Văn N phân công phụ trách y tế và làm thủ quỹ nhà trường. Trung bình mỗi năm trường THPT N được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí khoảng 05 tỷ đồng để bảo đảm chi cho các hoạt động của nhà trường. Ngoài ra theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh N và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N thì nhà trường được thu hoặc cùng cha mẹ học sinh thỏa thuận thu một số khoản tiền để thực hiện các nhiệm vụ quản lý và tổ chức dạy học cho học sinh tại trường. Các khoản thu này phải được sử dụng và hạch toán theo đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo nội dung các văn bản và Nghị quyết đã quy định, đảm bảo nguyên tắc thu bù chi và không tính lãi. Căn cứ các quy định này, trong các năm học từ 2017-2020 trường THPT N đã thu của phụ huynh học sinh tổng số 22 khoản gồm: Quỹ dạy thêm, học thêm; Học phí; Bảo hiểm y tế; Bảo vệ; Hỗ trợ người nghèo; Sổ liên lạc điện tử; Tăm tre ủng hộ người mù; Lệ phí thi tuyển sinh đại học, cao

đăng; Tiền làm thẻ học sinh; Tiền vở ghi; Tiền may đồng phục; Tiền may áo dài; Quỹ phụ huynh học sinh; Quỹ khuyến học; Quỹ xã hội hóa; Tiền gửi xe; Tiền vệ sinh; Tiền nước uống; Tiền thi các loại; Tiền chữ thập đỏ; Tiền lắp và bảo dưỡng điều hòa; Quỹ đoàn.

Hàng năm nhà trường đều dựa trên các quy định nói trên để xây dựng “Quy chế chi tiêu nội bộ” trong đó quy định rõ về định mức thu, chi đối với từng nội dung, bao gồm các khoản thu, chi từ ngân sách và thu, chi từ các quỹ thỏa thuận với cha mẹ học sinh. Đầu năm học, nhà trường xây dựng dự toán thu chi các quỹ thỏa thuận với cha mẹ học sinh và thông qua tại Hội nghị toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; Hội nghị với Ban đại diện hội cha mẹ học sinh. Tuy nhiên với mục đích có tiền để chi tiêu cho những nội dung không nằm trong thỏa thuận với cha mẹ học sinh như chi quan hệ đối nội, đối ngoại, chi không đúng cho cá nhân, cho tập thể và vì vụ lợi cho bản thân, Vũ Văn N với vai trò là Hiệu trưởng đã không tuân thủ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh N, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N và Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường, đã chỉ đạo Nguyễn Thị Th là kế toán và Lê Thị N1 là thủ quỹ của nhà trường thu, chi trái quy định, gây thiệt hại cho phụ huynh học sinh số tiền 2.139.021.733 đồng, cụ thể như sau:

1. Thu tiền quỹ dạy thêm, học thêm cao hơn so với quy định

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 7 của Quy định quản lý về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh N ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 19/9/2012; điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh N và các công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N cũng như Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường THPT N thì nhà trường chỉ được phép thu quỹ dạy thêm, học thêm tối đa không quá 230.000 đồng/tiết/lớp. Tuy nhiên, Vũ Văn N đã chỉ đạo Nguyễn Thị Th lập danh sách học sinh rồi tính toán thu mức tiền từ 250.000 đồng/tiết/lớp đến 330.000 đồng/tiết/lớp (vượt so với quy định từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng/tiết/lớp). Sau đó Vũ Văn N trực tiếp chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm của các lớp thu tiền dạy thêm, học thêm của học sinh theo danh sách mà Nguyễn Thị Th đã lập và nộp về cho Lê Thị N1 là thủ quỹ quản lý. Tất cả các lần nộp tiền đều được Lê Thị N1 ghi chép sổ sách, có ký nhận của các giáo viên chủ nhiệm. Sau khi tổng hợp số tiền dạy thêm, học thêm đã tiếp nhận từ các giáo viên chủ nhiệm, Lê Thị N1 báo cáo cho Vũ Văn N và chuyển chứng từ cho Nguyễn Thị Th biết rồi cùng Th thiết lập chứng từ theo dõi, quản lý.

Trước mỗi đợt học thêm bà Nguyễn Thị Minh H - Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn của nhà trường lên kế hoạch dự trù số tiết dạy thêm cho cả đợt. Trong các năm 2017, 2018 và 2019 tổng số tiết học nhà trường đã lên kế hoạch dự trù là 35.733 tiết. Căn cứ theo số tiết dự trù này, Vũ Văn N đã chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm thu tổng số tiền của cha mẹ học sinh là 9.752.372.700 đồng. Toàn bộ số tiền này được giáo viên chủ nhiệm các lớp thu sau đó nộp về cho thủ quỹ Lê Thị N1 quản lý. Theo quy định thì nhà trường chỉ được thu không quá 230.000 đồng/tiết/lớp; tổng số tiền được thu sẽ là: 35.733 tiết x 230.000 đồng/tiết =

8.218.590.000 đồng. Như vậy số tiền thu quỹ dạy thêm, học thêm của phụ huynh học sinh cao hơn so với quy định là 9.752.372.700 đồng - 8.218.590.000 đồng = 1.533.782.700 đồng.

Riêng đối với năm 2020 mặc dù Trường THPT N vẫn giữ nguyên mức thu tiền quỹ dạy thêm, học thêm như những năm trước. Tuy nhiên căn cứ theo Quyết định số 05/2020/QĐ - UBND ngày 06/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N và Công văn số 151/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N có nội dung bãi bỏ đối với quy định mức thu tiền dạy thêm, học thêm không vượt quá 230.000 đồng/tiết/lớp và mức thu do nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh nên việc thu số tiền dạy thêm, học thêm năm 2020 không có vi phạm.

2. Hành vi không hoàn trả lại tiền cho phụ huynh học sinh khi không tổ chức dạy thêm

Việc thu tiền quỹ dạy thêm, học thêm nói trên chỉ là dự trù trước mỗi đợt học. Còn theo quy định thì quá trình dạy thêm, học thêm nhà trường phải căn cứ vào các tiết học thực tế của học sinh để thu tiền. Nếu không tổ chức dạy thêm được thì nhà trường phải hoàn trả lại số tiền đã tạm thu trước đó cho phụ huynh học sinh. Tuy nhiên, Vũ Văn N chỉ đạo Nguyễn Thị Th và Lê Thị N1 không trả lại toàn bộ số tiền này cho các phụ huynh khi không tổ chức dạy thêm mà giữ lại một phần số tiền trên sử dụng vào các hoạt động của nhà trường, gây thiệt hại cho các phụ huynh học sinh.

Trong các năm 2017, 2018, 2019 và 2020, nhà trường đã lên kế hoạch dự trù học thêm là 48.076 tiết; trên thực tế nhà trường chỉ tổ chức dạy thêm cho học sinh tổng số là 43.124 tiết; số tiết không tổ chức dạy là $(48.076 - 43.124) = 4.952$ tiết, tương ứng với số tiền là 1.399.331.200 đồng. Vũ Văn N đã chỉ đạo thủ quỹ Lê Thị N1 thông qua giáo viên chủ nhiệm các lớp trả lại cho phụ huynh học sinh của một số học sinh tham gia thi học sinh giỏi, thi thể dục thể thao và một số đợt mà học sinh phải nghỉ học do dịch bệnh Covid -19 với tổng số tiền là 694.271.606 đồng. Như vậy số tiền mà trường THPT N không trả lại cho phụ huynh học sinh khi không tổ chức học thêm là: 1.399.331.200 đồng - (694.271.200 đồng + 99.820.561 đồng tồn quỹ) = 605.239.033 đồng.

**** Sử dụng số tiền thu vượt quy định và không trả lại cho phụ huynh học sinh khi không tổ chức dạy thêm trái quy định gây thiệt hại cho phụ huynh học sinh số tiền 2.139.021.733 đồng***

Toàn bộ số tiền thu vượt so với quy định 1.533.782.700 đồng và không trả lại cho phụ huynh học sinh là 605.239.033 đồng, tổng cộng là 2.139.021.733 đồng được Vũ Văn N chỉ đạo Nguyễn Thị Th và Lê Thị N1 sử dụng chi quà, phong bì tiền chúc mừng các ngày lễ 20/11; chúc Tết nguyên đán hàng năm cho lãnh đạo, các phòng ban thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, ban ngành trong tỉnh; chi đón tiếp cấp trên và các ban ngành, đoàn thể về trường làm việc, chi liên hoan chia tay lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo nghỉ hưu, chi cho cán bộ, giáo viên nhà trường vào các dịp lễ 20/11, Tết nguyên đán....Nội dung chi này được Vũ Văn N chỉ đạo Lê Thị N1 cùng bộ phận văn phòng gồm có Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị

L, Đinh Thị L1 chuẩn bị phong bì. Sau đó trực tiếp Vũ Văn N thực hiện chi hoặc các Phó hiệu trưởng gồm các ông Lê Trọng H, Nguyễn Công M, Đoàn Xuân H1, bà Nguyễn Thị Minh H hoặc kế toán Nguyễn Thị Th thực hiện theo chỉ đạo của Vũ Văn N, cụ thể:

- Chi quà, tiền chúc mừng các ngày lễ 20/11, Tết nguyên đán hàng năm cho lãnh đạo, các phòng ban thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh N, chi đón tiếp cấp trên và các ban ngành đoàn thể về trường làm việc, chi liên hoan chia tay lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo nghỉ hưu số tiền 1.032.652.000 đồng. Các khoản chi này được Vũ Văn N chỉ đạo Lê Thị N1 cùng bộ phận văn phòng gồm có Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L, Đinh Thị L1 chuẩn bị phong bì. Sau đó trực tiếp Vũ Văn N thực hiện chi hoặc các Phó hiệu trưởng gồm các ông Lê Trọng H, Nguyễn Công M, Đoàn Xuân H1, bà Nguyễn Thị Minh H, kế toán Nguyễn Thị Th thực hiện chi theo chỉ đạo của Vũ Văn N.

- Chi cho các hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường từ 2017 đến 2020 số tiền 823.241.000 đồng, bao gồm:

- + Tổ chức cho nhà trường đi tham quan, nghỉ mát số tiền 456.341.000 đồng. Trong đó năm 2017 là 194.660.000 đồng; năm 2018 là 50.243.000 đồng; năm 2019 là 183.710.000 đồng; năm 2020 là 27.728.000 đồng.

- + Chi thêm tiền cho toàn thể cán bộ viên chức và người lao động của nhà trường vào các dịp lễ 20/11, Tết nguyên đán hàng năm số tiền 366.900.000 đồng. Trong đó: Ngày 20/11/2017 chi 38.500.000 đồng, Tết nguyên đán 2018 chi 27.000.000 đồng; Ngày 20/11/2018 chi 28.000.000 đồng, Tết nguyên đán 2019 chi 44.800.000 đồng; Ngày 20/11/2019 chi 29.000.000 đồng, Tết nguyên đán 2020 chi 71.100.000 đồng; Ngày 20/11/2020 chi 90.000.000 đồng.

Các khoản chi này được Vũ Văn N chỉ đạo Nguyễn Thị Th lên danh sách và Lê Thị N1 là người trực tiếp chi cho mọi người.

- Chi cho các cuộc họp, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, liên hoan ăn, uống mua sắm cho giáo viên, nhân viên phục vụ các hoạt động của nhà trường số tiền 283.128.733 đồng. Các khoản chi này cũng do Vũ Văn N chỉ đạo Nguyễn Thị Th và Lê Thị N1 thực hiện.

Tổng số tiền của các khoản chi này là: 2.139.021.733 đồng (được thể hiện tại các bút lục 124 đến 129).

Trong đó Vũ Văn N, Nguyễn Thị Th, Lê Thị N1 mỗi người đều được hưởng lợi số tiền là 5.700.000 đồng từ việc chi sai quy định.

Để tránh bị phát hiện việc thu, chi sai quy định Vũ Văn N chỉ đạo Nguyễn Thị Th và Lê Thị N1 thiết lập hai hệ thống sổ sách kế toán gồm:

- Hệ thống chứng từ thu, chi nội bộ là sổ sách ghi chép phản ánh đúng thực tế việc thu tiền của thủ quỹ Lê Thị N1, chứng từ thể hiện các số liệu thu tiền của cha mẹ học sinh, việc chi tiền cho bộ phận trực tiếp giảng dạy, bộ phận quản lý, phục vụ, chi cho cơ sở vật chất, chi quà, phong bì tiền chúc mừng các ngày lễ

20/11; chúc Tết nguyên đán hàng năm cho lãnh đạo, các phòng ban thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, chỉ đón tiếp các đoàn về trường làm việc, chỉ cho các hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đi tham quan, nghỉ mát, chỉ thêm tiền cho toàn thể nhà trường vào các dịp lễ 20/11, Tết nguyên đán.....

- Hệ thống chứng từ quyết toán quỹ dạy thêm, học thêm phản ánh số liệu thu, chi thấp hơn thực tế được sử dụng để báo cáo số liệu về Sở Giáo dục và Đào tạo N.

Quá trình điều tra, bị can Vũ Văn N đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.966.133.000 đồng và bị can Nguyễn Thị Th tự nguyện giao nộp số tiền 800.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Ông Phạm Văn B và ông Vũ Minh D là những người được cha mẹ học sinh trường THPT N ủy quyền, tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho cha mẹ học sinh tổng số tiền 2.139.021.733 đồng; đồng thời ông B, ông D cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 05/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 41; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Văn N 05 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 03 (ba) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị N1 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Buộc các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Thị Th, Lê Thị N1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho cha mẹ học sinh trường THPT N giai đoạn 2017-2020 thông qua ông Phạm Văn B và ông Vũ Văn D là người được Ban đại diện cha mẹ học sinh ủy quyền với tổng số tiền 2.139.021.733 đồng. Trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo tương ứng với mức độ lỗi của mỗi bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

Bị cáo Vũ Văn N phải bồi thường 75% của tổng số tiền 2.139.021.733 đồng = 1.604.266.300 đồng, được trừ trong số tiền 2.966.130.000 đồng bị cáo đã nộp; bị cáo được nhận lại số tiền 1.361.863.700 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Th phải bồi thường 15% của tổng số tiền 2.139.021.733 đồng = 320.853.260 đồng, được trừ trong số tiền 800.000.000 đồng bị cáo đã nộp; bị cáo được nhận lại số tiền 479.164.740 đồng.

Bị cáo Lê Thị Nam phải bồi thường 10% của tổng số tiền 2.139.021.733 đồng = 213.902.173 đồng; bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh N; bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 203.902.173 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, nghĩa vụ thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/4/2023, bị cáo Vũ Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giảm mức đền bù và xin được cải tạo tại địa phương.

Ngày 17/4/2023, bị cáo Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Ngày 18/4/2023, bị cáo Lê Thị N1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt tù, giảm mức đền bù và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Từ khi nhận công tác tại Trường THPT N (năm 2016), bị cáo luôn tận tâm, tận lực, cống hiến để đưa Trường từ một Trường cá biệt, thiếu thốn về cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục kém trở thành một Trường có nhiều thành tích, có nhiều học sinh nghèo được quan tâm và đạt kết quả xuất sắc trong học tập, được khen thưởng. Bị cáo không vụ lợi; những sai phạm của bị cáo đều xuất phát từ mong muốn là thay đổi điều kiện làm việc của Trường. Bị cáo nhận trách nhiệm là người đứng đầu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho cả 3 bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xuất trình thêm Giấy xác nhận của Đoàn Biên phòng K, tỉnh Ninh Bình về việc bị cáo là cơ sở cộng tác của Đoàn Biên phòng K, đã tích cực giúp đỡ Đoàn Biên phòng trong công tác đấu tranh với tội phạm; từ nguồn tin tố giác tội phạm mà bị cáo Th cung cấp, Đoàn Biên phòng đã bắt giữ, khởi tố 01 đối tượng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị N1 trình bày: Bị cáo Lê Thị N1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; có bố mẹ được tặng huân chương, huy chương kháng chiến; bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (bị cáo có vai trò thứ yếu, chỉ làm theo sự chỉ đạo của cấp trên chứ không cố ý vi phạm); trong thời gian công tác bị cáo đạt được nhiều thành tích xuất sắc, được tặng giấy khen. Mặc dù bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bệnh tật, bố mẹ bị cáo vì quá đau buồn nên không thể chống chọi với bệnh tật và đã qua đời; tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã cùng gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại và nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quyết định của bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt và mức bồi

thường cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chữa bệnh, duy trì cuộc sống sau này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, đủ điều kiện để được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý, giải quyết vụ án bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét kháng cáo của của các bị cáo, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là đúng tội; xử phạt bị cáo Vũ Văn N 05 năm tù, Nguyễn Thị Th 03 năm tù, Lê Thị N1 27 tháng tù là phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Văn N, mức án 05 năm tù là phù hợp, không có căn cứ giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Thị Th, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục được đại diện Hội cha mẹ học sinh, tập thể giáo viên của Trường THPT N xin giảm nhẹ hình phạt; xuất trình Giấy xác nhận của Đoàn Biên phòng K về việc bị cáo đã tích cực giúp đỡ Đoàn Biên phòng trong công tác đấu tranh với tội phạm. Bị cáo có nhân thân tốt, bản thân đang bệnh tật, cần điều trị. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Lê Thị N1, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại và nộp án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm; quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang bệnh nặng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo. Về quan điểm của Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xét thấy bị cáo Lê Thị N1 phạm tội thuộc trường hợp khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự nên quan điểm của Luật sư là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Thị Th, Lê Thị N1 đều trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị N1 vắng mặt vì lý do sức khỏe. Theo trình bày của Luật sư bào chữa cho bị cáo và anh Phạm Minh Ph (là chồng của bị cáo) thì bị cáo đã cố gắng đi theo giấy triệu tập nhưng do sức khỏe quá yếu nên không đến phiên tòa được. Xét thấy, bị cáo đã làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong các năm học 2017, 2018, 2019, 2020, Vũ Văn N là Hiệu trưởng Trường THPT N đã chỉ đạo Nguyễn Thị Th là Kế toán và Lê Thị N1 là Thủ quỹ thu tiền dạy thêm, học thêm cao hơn mức quy định; không trả lại cho phụ huynh học sinh tiền dạy thêm, học thêm đã thu khi không tổ chức dạy thêm và sử dụng số tiền này để chi tiêu cho những nội dung không đúng theo quy định, không đúng thỏa thuận với hội phụ huynh học sinh, gây thiệt hại cho phụ huynh học sinh tổng số tiền là 2.139.021.733 đồng; trong đó, mỗi bị cáo trực tiếp hưởng lợi 5.700.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự “*Phạm tội gây thiệt hại 1 tỷ đồng trở lên*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, một số cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường THPT N có đơn đề nghị xem xét giảm án cho các bị cáo; trong đơn, có nội dung cho rằng: các bị cáo không “*vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân*” và số tiền thu sai quy định không mất đi đâu mà người hưởng lợi trong đó có các học sinh. Thấy rằng, theo hướng dẫn tại các khoản 7 và 8 Điều 3 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “*vụ lợi*” là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng cho mình hoặc cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; “*động cơ cá nhân khác*” là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm khẳng định, củng cố, nâng cao uy tín, quyền lực của mình một cách không chính đáng. Trong vụ án này, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn thu và sử dụng trái quy định số tiền 2.139.021.733 đồng của các phụ huynh học sinh; ngoài việc các bị cáo trực tiếp hưởng lợi, số tiền còn lại được sử dụng để chi đối nội, đối ngoại sai quy định cho các phòng ban trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; chi nghỉ mát, chi ngày tết, ngày lễ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường THPT N. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo đã vụ lợi, có động cơ cá nhân để lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ, đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự là đúng.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy hành vi của các bị cáo diễn ra trong một thời gian dài, số tiền thu quỹ dạy thêm, học thêm vượt quá mức quy định trong các năm 2017, 2018 và 2019 là 1.533.782.700 đồng; số tiền không trả lại cho phụ huynh học sinh khi không tổ chức dạy thêm từ năm 2017 đến năm 2020 là 605.239.033 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra, truy tố, xét xử 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Vũ Văn N tự nguyện giao nộp số tiền 2.966.130.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Th tự nguyện giao nộp số tiền 800.000.000 đồng, bị cáo Lê Thị N1 giao nộp số tiền 10.000.000

đồng để bảo đảm việc thực hiện bồi thường, khắc phục hậu quả. Tòa án cấp sơ thẩm cho 03 bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*” quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[7] Bị cáo Vũ Văn N được Chủ tịch UBND tỉnh N tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2009-2010; Bằng khen đã đoạt giải nhất trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh N lần thứ V (2010-2011); là chiến sỹ thi đua cơ sở các năm 2008, 2009, 2010 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác*” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Quá trình giải quyết vụ án, Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh trường THPT N từ năm 2017-2020 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho 03 bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định bị cáo Vũ Văn N bị rối loạn chức năng tiền đình; có vợ bị bệnh viêm gan virus B. Bị cáo Nguyễn Thị Th được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N tặng Giấy khen năm 2015, 2020; có chồng được Chủ tịch nước tặng Huân chương quân kỳ quyết thắng. Bị cáo Lê Thị N1 có bố đẻ là ông Lê Hồng Q là bệnh binh, được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng Huân chương chiến công giải phóng hạng Nhất, mẹ đẻ bị cáo là bà Vũ Thị Nh được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng cho 03 bị cáo là đúng.

[9] Về hình phạt và yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Đối với Vũ Văn N là người đứng đầu, trực tiếp phụ trách, chỉ đạo điều hành công tác kế hoạch - tài chính của Trường THPT N, giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 05 năm tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và là mức khởi điểm của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề) là đã thể hiện sự khoan hồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Vũ Văn N xuất trình thêm các bằng khen, giấy khen mà bị cáo đã được tặng thưởng trong quá trình công tác, các thành tích nghiên cứu khoa học; trình bày thêm những khó khăn, thách thức và những thành tích của Trường THPT N trong thời gian bị cáo là Hiệu trưởng; bị cáo có bố đẻ và mẹ vợ được tặng Huân chương kháng chiến. Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận đây là những tình tiết giảm nhẹ mới thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự thì Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể giảm nhẹ thêm mức hình phạt đối với bị cáo.

[10] Về đề nghị xin giảm số tiền phải bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Vũ Văn N có vai trò cao nhất trong vụ án và phải chịu 75% của tổng số tiền 2.139.021.733 đồng = 1.604.266.300 đồng là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ giảm mức bồi thường cho bị cáo Vũ Văn N.

[11] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Th và bị cáo Lê Thị N1, là đồng phạm, có vai trò giúp sức trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc việc các bị cáo là nhân viên cấp dưới, bị lệ thuộc, chấp hành sự chỉ đạo của bị cáo Vũ Văn N; cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Th và Lê Thị N1, đặc biệt là việc các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải và đã cùng bị cáo Vũ Văn N giao nộp tiền đề khắc phục toàn bộ thiệt hại; trên cơ sở đó, áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 03 năm tù, bị cáo Lê Thị N1 27 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với nguyên tắc xử lý tội phạm quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[12] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Th trình bày bị cáo có sức khỏe yếu, bị teo não, thiếu máu não mãn tính, thường xuyên nằm viện (kèm theo trình bày của bị cáo là Giấy ra viện của Bệnh viện Quân y 5). Bên cạnh đó, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Nguyễn Thị Th có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Theo đơn đề nghị của các giáo viên, nhân viên Trường THPT N thì bị cáo Thủy là nhân viên có trách nhiệm cao trong công việc, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được tập thể yêu quý; bị cáo tiếp tục được đại diện cha mẹ học sinh Trường THPT N xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm Giấy xác nhận của Đoàn trưởng Đoàn Biên phòng K về việc bị cáo đã tích cực giúp đỡ Đoàn Biên phòng trong công tác đấu tranh với tội phạm. Mặc dù Giấy xác nhận của Đoàn Biên Phòng chưa đủ căn cứ để xác định bị cáo đã lập công, nhưng là căn cứ để khẳng định thêm việc bị cáo ngoài lần phạm tội này là người chấp hành pháp luật. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022), Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

[13] Đối với bị cáo Lê Thị N1 là nhân viên y tế học đường của trường THPT N, chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, được Vũ Văn N phân công kiêm làm Thủ quỹ, được xác định là đồng phạm với vai trò thấp nhất trong vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã cùng với gia đình nộp thêm 214.297.281 đồng để cùng với các bị cáo khác bồi thường toàn bộ thiệt hại và án phí sơ thẩm (theo các biên lai số AA/2021/0000221 ngày 30/6/2023; AA/2021/0000304 ngày 07/7/2023; AA/2021/0000225 ngày 25/7/2023), trong hoàn cảnh bố mẹ của bị cáo bị bệnh nặng, phải điều trị tốn kém, nhưng đã không qua khỏi, có chồng đau ốm thường xuyên, thể hiện sự cố gắng của bị cáo trong việc khắc phục hậu quả đã gây ra. Theo đơn trình bày của bị cáo Lê Thị N1 có xác nhận chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú thì bị cáo hiện có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo là lao động chính; bản thân cũng đang điều trị trầm cảm nặng. Xét thấy, bị cáo N1 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Theo đơn đề nghị của các giáo viên, nhân viên Trường THPT N thì bị cáo N1 là nhân viên có trách nhiệm cao trong công việc, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được tập thể yêu quý; cũng như đối với các bị cáo khác,

bị cáo N1 tiếp tục được đại diện cha mẹ học sinh Trường THPT N xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022), Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

[14] Về yêu cầu xin giảm bồi thường của bị cáo Lê Thị N1, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận và cần giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

[15] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo Vũ Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Thị Th và bị Lê Thị N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[16] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn N, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 41; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Văn N 05 (năm) năm tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th và bị cáo Lê Thị N1, sửa quyết định về hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Th 03 (ba) năm tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Th cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Bị cáo Lê Thị N1 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị N1 cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 587; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Thị Th, Lê Thị N1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho cha mẹ học sinh trường THPT N giai đoạn 2017-2020 thông qua ông Phạm Văn B và ông Vũ Văn D là người được Ban đại diện cha mẹ học sinh ủy quyền với tổng số tiền 2.139.021.733 đồng. Trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo tương ứng với mức độ lỗi của mỗi bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

- Bị cáo Vũ Văn N phải bồi thường 75% của tổng số tiền 2.139.021.733 đồng = 1.604.266.300 đồng, được trừ trong số tiền 2.966.130.000 đồng bị cáo đã nộp; bị cáo được nhận lại số tiền 1.361.863.700 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Th phải bồi thường 15% của tổng số tiền 2.139.021.733 đồng = 320.853.260 đồng, được trừ trong số tiền 800.000.000 đồng bị cáo đã nộp; bị cáo được nhận lại số tiền 479.164.740 đồng.

- Bị cáo Lê Thị N1 phải bồi thường 10% của tổng số tiền 2.139.021.733 đồng = 213.902.173 đồng; được trừ trong số tiền 224.297.281 bị cáo đã nộp.

Xác nhận bị cáo Lê Thị N1 đã nộp đủ số tiền bị cáo phải bồi thường và án phí sơ thẩm tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh N theo các biên lai số AA/2021/0000295 ngày 28/3/2023; AA/2021/0000221 ngày 30/6/2023; AA/2021/0000304 ngày 07/7/2023 và AA/2021/0000225 ngày 25/7/2023.

4. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*”, bị cáo Vũ Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Th, bị cáo Lê Thị N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài

Phùng Hải Hiệp

Chu Thành Quang